TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **272**/2020/DS-PT
Ngày: 17/9/2020
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Cùng các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Ông Lê Minh Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2020/TLPT-DS ngày 27/8/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2020/QĐ-PT ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà B, khu phố B, phường PT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Anh Hồ Văn Tr, sinh năm 1981 (có mặt)

Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TB, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre

- *Người kháng cáo*: Bị đơn chị Nguyễn Thị B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 10/12/2018, ông Nguyễn Văn L có cho anh Hồ Văn Tr và chị Nguyễn Thị B vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi vay tiền thì anh Tr, chị B có viết giấy tay và ký tên trong giấy vay tiền. Đến thời hạn trả nợ là ngày 10/12/2019 thì anh Tr, chị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù ông Nguyễn Văn L đã yêu cầu nhiều lần.

Vào ngày 18/01/2019 ông Nguyễn Văn L có bán cho anh Hồ Văn Tr, chị Nguyễn Thị B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số xe là 71B3-06867 do ông Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu, với giá tiền là 12.500.000 đồng. Hai bên có làm giấy viết tay, chưa làm hợp đồng mua bán và đăng ký sang tên chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn L đã giao xe và giấy đăng ký xe mô tô cho anh Hồ Văn Tr, chị Nguyễn Thị B. Anh Tr có ký tên trong giấy viết tay và cam kết đến tháng 5/2019 sẽ trả tiền cho ông L nhưng đến thời hạn trả tiền anh Tr, chị B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua xe như đã thỏa thuận.

Nay nguyên đơn Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 100.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 10/12/2019 đến ngày Tòa án xét xử 08/6/2020 với lãi suất 0,83%/tháng số tiền 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 05 tháng 29 ngày = 4.952.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn và lãi là 104.952.000 đồng.

Đồng thời, nguyên đơn Nguyễn Văn L yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 71B3-06867 và giấy đăng ký xe do ông Nguyễn Văn L đứng tên chủ sở hữu, buộc bị đơn Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị B trả tiền mua xe số tiền là 12.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/5/2019 đến 01/5/2020 với lãi suất 0,83%/tháng số tiền là 12.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng = 1.245.000 đồng, tổng cộng số tiền là 13.745.000 đồng.

Bị đơn anh Hồ Văn Tr, chị Nguyễn Thị B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại Bản án số 22/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, Điều 357, Điều 430, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

Buộc bị đơn Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn L số tiền vay còn thiếu là 104.952.000 đồng (một trăm lẻ bốn

triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng), trong đó số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 4.952.000 đồng.

Buộc bị đơn Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn L số tiền mua bán xe mô tô biển số 71B3-06867 còn thiếu là 12.500.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 1.245.000 đồng, tổng cộng số tiền là 13.745.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, trường hợp bị đơn chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/6/2020 chị Nguyễn Thị B kháng cáo toán bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà phúc thẩm phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Nguyễn Thị B không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì chị B cho rằng vợ chồng chị có vay tiền và mua xe của ông L nhưng đã trả xong nợ, do tin tưởng nên khi trả tiền chị không làm biên nhận. Các bên đương sự không thương lượng được với nhau và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chị B và anh Tr không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là đã trả nợ vay và tiền mua xe cho ông L. Do đó, kháng cáo của chị B là không có cơ sở. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn L yêu cầu anh Hồ Văn Tr và chị Nguyễn Thị B trả số tiền vay, lãi suất là 104.952.000 đồng và tiền mua bán xe, lãi suất là 13.745.000 đồng. Chị Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Chứng cứ mà ông L cung cấp là "Giấy mượn tiền" và "Giấy giao kèo bán xe".

"Giấy mượn tiền" có nội dung "Hôm nay là ngày 10/12/2018. Tôi tên Nguyễn Thị B và Hồ Văn Tr có mượn chú 5 L là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn). Hẹn chú 5 đến ngày 10/12/2019 con sẽ trả hoàn số tiền trên cho chú năm". Chị Nguyễn Thị B và anh Hồ Văn Tr ký tên vào giấy mượn tiền.

"Giấy giao kèo bán xe" có nội dung "Hôm nay là ngày 18/01/2019 con tên Hồ Văn Tr có mua của chú 5 L 1 xe Honda mang biển số 71.B3-06867, giá tiền là 12.500.000đ. Hẹn chú L đến tháng 5.2019 sẽ trả số tiền nói trên cho chú 5 L…". Anh Hồ Văn Tr ký tên vào giấy mua bán.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Tr và chị B. Bị đơn là anh Tr và chị B biết việc ông L khởi kiện nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B và anh Tr thừa nhận có làm giấy vay của ông L 100.000.000 đồng và có mua xe Honda mang biển số 71.B3-06867 với giá tiền là 12.500.000 đồng. Chị B cho rằng đã trả xong nợ vay và tiền mua xe nhưng do tin tưởng ông L có mối quan hệ là chú cháu nên không làm biên nhân khi trả tiền.

Mức lãi suất mà ông L yêu cầu là phù hợp theo quy định, do đó bản án sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L là phù hợp. Chị B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh là đã trả tiền cho ông L nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, kháng cáo của chị B là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án số 22/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 8/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Áp dụng các Điều 288, Điều 357, Điều 430, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L.

Buộc bị đơn Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn L số tiền vay còn thiếu là 104.952.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng), trong đó số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 4.952.000 đồng.

Buộc bị đơn Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn L số tiền mua bán xe mô tô biển số 71B3-06867 còn thiếu là 12.500.000 đồng, tiền lãi phát sinh là 1.245.000 đồng, tổng cộng số tiền là 13.745.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, trường hợp bị đơn chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn Hồ Văn Tr, Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 5.934.000 đồng (năm triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.850.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008799 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị B phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000170 ngày 23/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Phòng KTNV;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Thị Ngọc Hương **Phạm Kim Của** **Huỳnh Ngọc Dũng**